

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 – HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 16 – 3 – 2026

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Minh.

Ông Dương Văn Sinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 389/2025/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2026/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Cao Thị M, sinh ngày 14/8/1984. Nơi ĐKKHKT: Khu T, xã C, thành phố Hải Phòng. Nơi ở hiện tại: Đài Loan.

Người được chị M ủy quyền về việc giao nhận văn bản: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1991. Địa chỉ: Số nhà G Đ, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Anh Lê Duy K, sinh ngày 23/6/1983. Nơi ĐKKHKT: Đội 3, thôn Đ, xã A, thành phố Hải Phòng. Nơi ở hiện tại: Nhật Bản.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Vũ Thị T, sinh năm 1962; Địa chỉ: Khu T, xã C, thành phố Hải Phòng.

2. Ông Lê Duy B, sinh năm 1952; Địa chỉ: Đ, thôn Đ, xã A, thành phố Hải Phòng.

Các đương sự vắng mặt và đều đề nghị giải quyết vắng mặt; anh K vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Cao Thị M trình bày:*

Chị và anh Lê Duy K tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 06/5/2021 được Ủy ban nhân dân xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương (nay là xã A, thành phố Hải Phòng) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 16/2021 trong cùng ngày. Trước khi đăng ký kết hôn, chị và anh Lê Duy K đã từng ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 36/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05/05/2020 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Hải Dương.

Sau khi kết hôn, anh chị có một thời gian ngắn sinh sống, làm việc tại địa phương. Tuy nhiên, cuộc sống hôn nhân của hai vợ chồng vẫn không được hạnh phúc dù cả hai đã nỗ lực cho nhau cơ hội để hàn gắn tình cảm và vun đắp hạnh phúc gia đình. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ sự khác biệt quá lớn giữa chị và anh K trong lối sống cũng như trong quan điểm chăm sóc và nuôi dạy con cái. Tháng 01/2024, chị xuất cảnh đi lao động tại Đài Loan. Một thời gian sau, anh K cũng xuất cảnh đi lao động tại Nhật Bản. Kể từ đó, hai vợ chồng gần như cắt đứt hoàn toàn liên lạc và không còn quan tâm đến nhau. Những mâu thuẫn kéo dài trong cuộc sống hôn nhân khiến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt và không thể hàn gắn. Tình cảm dần phai nhạt theo thời gian, mục tiêu xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc không thể đạt được. Vì vậy, chị nhận thấy việc chấm dứt hôn nhân là cần thiết, nhằm giải thoát cho cả hai và tạo điều kiện để mỗi người ổn định cuộc sống riêng. Bản thân chị xác định không còn tình cảm với anh Lê Duy K và mong muốn được Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh theo quy định pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Lê Thị Kim Y, sinh ngày 29/05/2008 và cháu Lê Duy K1, sinh ngày 19/7/2013. Hiện tại, cháu Lê Thị Kim Y đang sinh sống cùng bà ngoại là bà Vũ Thị T tại: Khu T, xã C, thành phố Hải Phòng. Cháu Lê Duy K1 đang sinh sống cùng ông nội là ông Lê Duy B tại: Đ thôn Đ, xã A, thành phố Hải Phòng. Khi ly hôn, chị đề nghị giao cháu Lê Thị Kim Y cho chị được quyền nuôi dưỡng và chăm sóc. Trong thời gian vắng mặt tại Việt Nam, chị ủy quyền cho bà Vũ Thị T thay chị chăm sóc, trông nom, nuôi dưỡng và giáo dục cháu cho đến khi chị về nước. Chị đề nghị giao cháu Lê Duy K1 cho anh K được quyền nuôi dưỡng. Trong thời gian anh K vắng mặt tại Việt Nam, đề nghị tiếp tục để cháu Lê Duy K1 được sinh sống cùng ông Lê Duy B và học tập tại địa phương để ổn định tâm lý, nơi ở và nơi học tập của cháu,

tránh việc xáo trộn không cần thiết. Chị tự nguyện không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, chị M ủy quyền cho anh Phạm Văn H thay chị giao nhận tài liệu tại Tòa án và đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt chị.

** Ông Lê Duy B (là bố đẻ của anh Lê Duy K) trình bày:*

Anh Lê Duy K và chị Cao Thị M tự do tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương (nay là xã A, thành phố Hải Phòng) vào năm 2021. Trước đó, anh chị đã từng kết hôn lần đầu vào năm 2007 và ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện N vào năm 2020. Khi giải quyết ly hôn, Tòa án giao cháu K1 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Y cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn được một thời gian ngắn, anh chị quay lại chung sống với nhau và cùng về chung sống tại gia đình ông. Tuy nhiên, quá trình chung sống không kéo dài, sau đó anh K đi lao động tại Nhật Bản, khoảng một năm sau chị M cũng đi lao động tại Đài Loan. Từ khi xuất cảnh, chị M không còn liên lạc với gia đình ông. Hiện nay, cháu Y vẫn sinh sống cùng ông bà ngoại, còn cháu K1 ở cùng ông bà nội. Nay chị M xin ly hôn với anh K, quan điểm của ông là bố mẹ không mong muốn anh chị phải ly hôn, nhưng nếu chị M kiên quyết ly hôn thì ông đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định pháp luật để giải quyết.

Về con chung: Anh Lê Duy K và chị Cao Thị M có 02 con chung là cháu Lê Thị Kim Y, sinh ngày 29/5/2008 và cháu Lê Duy K1, sinh ngày 19/7/2013. Hiện tại, cháu Lê Thị Kim Y đang sinh sống cùng bà ngoại, cháu Lê Duy K1 đang sinh sống cùng gia đình ông.

Nếu anh chị ly hôn và Tòa án giao cháu Lê Duy K1 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng thì ông sẽ hỗ trợ chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu về mọi mặt. Thực tế, từ nhỏ đến nay cháu K1 đã được ông bà nội chăm sóc, nuôi dưỡng. Nơi ở của gia đình ông cũng gần trường học của cháu, thuận tiện cho việc học tập của cháu. Kể từ khi chị M đi nước ngoài đến nay, chị không gửi tiền về cấp dưỡng cho cháu K1, ông cũng không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung của anh chị. Ngoài ra, ông đề nghị Tòa án xem xét giao cháu Lê Thị Kim Y về sinh sống cùng cháu Lê Duy K1 để hai chị em được đoàn tụ, có điều kiện gắn bó và vun đắp tình cảm với nhau. Ông cũng sẽ hỗ trợ anh K trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông không nắm được.

Hiện tại anh K đang sinh sống làm việc ở nước ngoài, ông chỉ biết anh K hiện đang ở Nhật Bản, không nắm rõ địa chỉ nơi cư trú cụ thể của anh K nên không thể cung cấp cho Tòa án. Tòa án giao các văn bản của Tòa án cho ông B để ông thông báo lại cho anh K biết. Ông đã thông báo lại cho anh K, anh đã biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn giữa anh và chị M. Tuy nhiên, anh không bày tỏ quan điểm gì về việc giải quyết vụ án.

Vì lý do sức khỏe ông B đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt ông.

** Bà Vũ Thị T (là mẹ đẻ của chị Cao Thị M) trình bày:*

Chị M và anh K kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào năm 2021. Anh chị từng kết hôn lần đầu và ly hôn vào năm 2020 sau đó quay lại đoàn tụ. Sau khi kết hôn lần 02, anh chị về chung sống tại nhà bố mẹ chồng. Do bà không ở cùng anh chị nên không nắm rõ mâu thuẫn hôn nhân giữa anh chị là gì. Sau đó anh K đi lao động tại Nhật Bản, chị M đi lao động tại Đài Loan. Anh chị ly thân từ đó đến nay và từ khi đi thì anh chị cũng chưa về nhà. Nay chị M đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh K thì đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của anh chị và quy định pháp luật để giải quyết.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Lê Thị Kim Y, sinh ngày 29/5/2008 và cháu Lê Duy K1, sinh ngày 19/7/2013. Hiện tại cháu K1 đang ở cùng ông bà nội, cháu Y đang ở cùng ông bà ngoại. Nếu anh chị ly hôn và chị M được quyền nuôi dưỡng cháu Y, bà sẽ hỗ trợ chị M chăm sóc, nuôi dạy cháu, bản thân cháu Y đã ở cùng bà từ nhỏ đến nay. Trong thời gian chị M đi nước ngoài, chị ủy quyền cho bà chăm sóc, nuôi dạy cháu Y cho đến khi chị về nước, bà đồng ý nhận ủy quyền của chị. Bà không yêu cầu anh chị chu cấp nuôi cháu Y.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không nắm rõ, để các con tự giải quyết.

Do sức khỏe yếu và nhà ở xa không thuận tiện đi lại nên bà đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt bà.

** Cháu Lê Thị Kim Y trình bày:* Cháu là con của bố Lê Duy K và mẹ Cao Thị M. Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được sống cùng mẹ và bà ngoại vì cháu đã sống cùng mẹ và bà ngoại từ nhỏ đến lớn, đã quen với môi trường sống hiện tại.

** Cháu Lê Duy K1 trình bày:* Cháu là con của bố Lê Duy K và mẹ Cao Thị M. Nếu bố mẹ ly hôn không ở với nhau nữa thì cháu có nguyện vọng ở với ông

bà nội và chị gái về ở cùng cháu vì cháu đã ở cùng ông bà nội từ nhỏ đến nay, đã quen môi trường sống.

** Người được chị M ủy quyền về việc giao, nhận văn bản tố tụng anh Phạm Văn H trình bày:* Anh đồng ý nhận ủy quyền của chị M về việc giao nhận văn bản tố tụng tại Tòa án, sau khi nhận được các văn bản của Tòa án, anh đã thông báo cho chị M biết, chị M vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

** Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị M, anh K đăng ký kết hôn thể hiện:* Anh K có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã A, thành phố Hải Phòng. Anh K và chị M có đăng ký kết hôn lần đầu vào khoảng năm 2007. Anh chị có ly hôn một lần vào khoảng năm 2020, sau đó một thời gian ngắn anh chị quay lại với nhau và có đăng ký kết hôn lần thứ 02 vào năm 2021. Sau khi kết hôn thì anh K đi lao động tại Nhật Bản, chị M đi lao động tại Đài Loan. Anh chị sống ly thân từ đó đến nay, mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì địa phương không nắm được. Nay chị M có đơn xin giải quyết ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung, anh chị có hai con chung, cháu lớn hiện đang ở cùng ông bà ngoại, cháu bé hiện ở cùng ông bà nội. Đề nghị Tòa án căn cứ nguyện vọng của anh chị và quy định pháp luật để giải quyết. Về tài sản, nợ chung: Địa phương không nắm được.

** Tại Công văn số 692/XNC-Đ1 ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an thành phố Hải Phòng thể hiện:*

Trường hợp Cao Thị M có thông tin xuất cảnh gần nhất ngày 22/01/2024 qua cửa khẩu sân bay N, chưa có thông tin nhập cảnh trở lại.

Trường hợp Lê Duy K có thông tin xuất cảnh gần nhất ngày 18/01/2023 qua cửa khẩu sân bay N, chưa có thông tin nhập cảnh trở lại.

** Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng phát biểu quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147; khoản 4 Điều 207, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 4 Nghị Quyết số 01 ngày 16/5/2024; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và

sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị HĐXX: Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M, cho chị M được ly hôn với anh K. Về con chung: Giao cháu Y cho chị M nuôi dưỡng, giao cháu K1 cho anh K nuôi dưỡng, tạm giao cháu Y cho bà Vũ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu trong thời gian chị M đi làm ăn xa, tạm giao cháu K1 cho ông Lê Duy B trực tiếp nuôi dưỡng cháu trong thời gian anh K đi làm ăn xa; các bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không đề nghị giải quyết. Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Cao Thị M khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa chị và anh Lê Duy K. Bị đơn anh Lê Duy K hiện đang sinh sống và lao động tại Nhật Bản, có địa chỉ trước khi xuất cảnh tại thôn Đ, xã A, thành phố Hải Phòng. Do vậy, Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị M không cung cấp được địa chỉ cư trú cụ thể của anh K ở nước ngoài. Tòa án đã yêu cầu gia đình anh K cung cấp địa chỉ nơi cư trú hiện tại của anh K. Ông Lê Duy B là bố mẹ đẻ của anh K xác nhận anh K đang sinh sống, làm việc tại Nhật Bản và vẫn liên lạc với ông, tuy nhiên ông không biết địa chỉ cụ thể nên không thể cung cấp cho Tòa án. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông B để thông báo lại cho anh K, đồng thời tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Ông B đã thông báo đầy đủ nội dung các văn bản của Tòa án cho anh K được biết, tuy nhiên anh K không trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa lần thứ hai chị M, ông B, bà T đề nghị xét xử vắng mặt, anh K vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị M và anh Lê Duy K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện N, tỉnh

Hải Dương (nay là xã A, thành phố Hải Phòng) vào ngày 06/5/2021 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ lời khai của các đương sự trong vụ án xác định: Chị M và anh K kết hôn tự nguyện với nhau lần đầu vào năm 2007. Anh chị đã từng ly hôn theo Quyết định số 36/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Hải Dương. Sau khi ly hôn một thời gian ngắn, anh chị quay lại chung sống và có đăng ký kết hôn lại vào ngày 06/5/2021, tuy nhiên cuộc sống hôn nhân của anh chị vẫn không được hạnh phúc dù cả hai đã nỗ lực hàn gắn tình cảm. Trong quá trình chung sống, chị M và anh K phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ sự khác biệt quá lớn trong tính cách, lối sống cũng như trong quan điểm chăm sóc và nuôi dạy con cái, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Từ khi anh chị đi lao động ở nước ngoài, vợ chồng gần như cắt đứt hoàn toàn liên lạc, hai bên sống xa nhau trong thời gian dài khiến tình cảm ngày càng rạn nứt, không thể hàn gắn. Từ khi chị M đi lao động tại Đài Loan vào năm 2024 cho đến nay, vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, hai vợ chồng không quay lại chung sống cùng nhau nữa.

Bổ đề của anh K là ông B xác định anh K đã được thông báo về việc Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng đang giải quyết vụ việc ly hôn giữa anh và chị M. Tuy nhiên anh K không trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh K đã trầm trọng, vợ chồng không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Cao Thị M ly hôn anh Lê Duy K là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị M và anh K có hai con chung là Lê Thị Kim Y, sinh ngày 29/05/2008 và Lê Duy K1, sinh ngày 19/7/2013. Khi ly hôn, chị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung là Lê Thị Kim Y, giao con chung là Lê Duy K1 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng. Anh K không có ý kiến trình bày về việc nuôi con chung. Ông Lê Duy B là bố ruột của anh K có ý kiến đề nghị Tòa án xem xét cho cháu Y về chung sống cùng gia đình ông.

Hiện tại, cháu Lê Thị Kim Y đang sinh sống cùng bà ngoại là bà Vũ Thị T tại: khu T, xã C, thành phố Hải Phòng. Cháu Lê Duy K1 đang sinh sống cùng ông nội là ông Lê Duy B tại: Đ thôn Đ, xã A, thành phố Hải Phòng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của các cháu. Cháu Y có nguyện vọng tiếp tục được sống cùng mẹ và bà ngoại; cháu K1 có nguyện vọng

tiếp tục được sống cùng bố và ông bà nội, đồng thời mong muốn chị gái về chung sống cùng mình. Các cháu trình bày lý do là từ nhỏ đến nay đã sinh sống ổn định cùng người đang trực tiếp chăm sóc, quen với môi trường sống hiện tại.

Xét thấy, nguyện vọng nuôi dưỡng con chung của chị M là chính đáng, phù hợp với nguyện vọng của người làm cha làm mẹ, phù hợp với nguyện vọng của các con chung. Mặt khác, các cháu đều đã sinh sống ổn định, quen với môi trường sống hiện tại và với người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng mình. Để ổn định tâm lý, nơi ở và điều kiện học tập của các con chung, tránh việc xáo trộn không cần thiết trong cuộc sống của các cháu, Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu Lê Thị Kim Y cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Lê Duy K1 cho anh K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do chị M và anh K mỗi người nuôi dưỡng một con chung, đồng thời các bên không ai có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung nên chị M và anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau.

Do hiện tại chị M, anh K đang ở nước ngoài, nên tạm giao cháu Lê Thị Kim Y cho bà Vũ Thị T (là bà ngoại) chăm sóc, nuôi dưỡng; tạm giao cháu Lê Duy K1 cho ông Lê Duy B (là ông nội) chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị M, anh K trở về Việt Nam.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Cao Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56, 58, 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Cao Thị M ly hôn anh Lê Duy K.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung là Lê Thị Kim Y, sinh ngày 29/05/2008 cho chị Cao Thị M chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con chung là cháu Lê Duy K1, sinh ngày 19/7/2013 cho anh Lê Duy K chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có thay đổi khác. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau.

Tạm giao cháu Lê Thị Kim Y cho bà Vũ Thị T (là bà ngoại) chăm sóc, nuôi dưỡng; tạm giao cháu Lê Duy K1 cho ông Lê Duy B (là ông nội) chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị M, anh K trở về Việt Nam.

Chị M và anh K đều được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Cao Thị M phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình và được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp, theo biên lai thu ký hiệu BLTU/25E số 0007493 ngày 03 tháng 12 năm 2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Cao Thị M đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Ông B, bà T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày; chị M, anh K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 9 – Hải Phòng;
- Các đương sự;
- THADS TP. Hải Phòng;
- UBND xã A, TP. Hải Phòng (ĐK Số 16/2021 ngày 06/5/2021);
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Vân Anh